

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN SƠN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 252/2024/HNGĐ-ST

Ngày 13/9/2024

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Huệ - Cán bộ hưu trí.

2. Bà Lộc Thị Kim Thơm - Cán bộ hưu trí.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 176/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024, về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2024/QĐST - HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04/9/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1994. Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Đặng Xuân T1**, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (Đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 04/4/2012 chị và anh Đặng Xuân T2 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống tại Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng chị chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, không thống nhất được các vấn đề

trong cuộc sống. Nay chị xác định tình cảm không còn, đề nghị Toà án nhân dân huyện Yên Sơn giải quyết cho chị được ly hôn anh Đặng Xuân T2.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung: Đặng Thái S, sinh ngày: 08/4/2013 và Đặng Ngọc H, sinh ngày 18/4/2016. Vợ chồng chị thoả thuận, chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đặng Ngọc H, sinh ngày 18/4/2016; chồng chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đặng Thái S, sinh ngày: 08/4/2013. Hai vợ chồng không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Vợ chồng chị không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đặng Xuân T1. Tuy nhiên anh T1 không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó Tòa án không lấy được lời khai và không tiến hành hòa giải được. Chị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70,72 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đặng Xuân T1.

Về con chung: Giao cháu Đặng Ngọc H, sinh ngày 18/4/2016 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Đặng Thái S, sinh ngày 08/4/2013 cho anh Đặng Xuân T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở;

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Nguyễn Thị T xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét;

Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn giải quyết việc ly hôn đối với anh Đặng Xuân T1, nơi cư trú tại Tổ dân phố T, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình

về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn anh Đặng Xuân T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, không có văn bản nêu ý kiến. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu khởi kiện: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương xác định:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Xuân T1 kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang ngày 04/4/2012, do vậy quan hệ hôn nhân của chị T và anh T1 là hợp pháp.

Sau khi kết hôn chị T và anh T1 chung sống tại địa chỉ Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Hiện nay là Tổ dân phố T, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng không cùng quan điểm sống, tính tình không hợp, không thống nhất được các vấn đề trong cuộc sống. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thông báo phiên hòa giải nhưng anh T1 không có mặt theo yêu cầu của Tòa án để tiến hành hòa giải, điều đó cho thấy anh T1 cũng không mong muốn hòa giải đoàn tụ. Chị T và anh T1 đã sống ly thân từ năm 2022. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T1 đã rất trầm trọng, cả hai đã sống ly thân, mâu thuẫn đã diễn ra trong thời gian dài. Xét, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh T1 là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

- Về con chung: Chị T và anh T1 có 02 con chung là Đặng Thái S, sinh ngày 08/4/2013 và Đặng Ngọc H, sinh ngày 18/4/2016. Hiện tại cháu S và cháu H đang sống cùng anh T1. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt và quá trình giải quyết vụ án, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đặng Ngọc H ; giao cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đặng Thái S, cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau sau khi ly hôn. Xét thấy, chị T và anh T1 đều có đủ điều kiện nuôi con; cháu Đặng Ngọc H có nguyện vọng được sống cùng chị T, cháu Đặng Thái S có nguyện vọng được sống cùng anh T1. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, căn cứ vào nguyện vọng của các cháu và điều kiện thực tế của vợ chồng, cần xử giao cháu Đặng Ngọc H cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Đặng Thái S cho anh Đặng Xuân T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cả hai không ai phải cấp dưỡng

nuôi con chung sau ly hôn và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, cho vay nợ chung: Chị Nguyễn Thị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ vào:* Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- *Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đặng Xuân T1 (*Giấy chứng nhận kết hôn số 23/2012, quyển số 01/2012 ngày 04/04/2012 tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang*).

2. *Về con chung:* Giao con chung Đặng Ngọc H, sinh ngày 18/4/2016 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung Đặng Thái S, sinh ngày 08/4/2013 cho anh Đặng Xuân T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T và anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau sau khi ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000001416698 ngày 01/7/2024 của Công ty Cổ phần T3 và theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/2024 số 0002078 ngày 04/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Đặng Xuân T1 không phải chịu án phí.

4 .*Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- THADS huyện Yên Sơn;
- UBND thị trấn Yên Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thanh Sơn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lộc Thị Kim Thơm – Đặng Thị Huệ

Hồ Thanh Sơn